

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGHĨA LỘ  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Văn Tý,

2. Bà Lương Thị Hoàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thúy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái** tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Nguyễn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2023/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử (lần hai) số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T- sinh năm 1987,

- Bị đơn: Anh Phùng Thanh B- sinh năm 1980;

Cùng trú tại: Tổ bản L, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

Chị T vắng mặt có lý do, anh B vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị Thùy trình bày:*

Chị và anh Phùng Thanh B kết hôn tự nguyện có đăng kết hôn tại UBND xã M, huyện B, thành phố Hà Nội vào ngày 28/6/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thị trấn nông trường T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Đến năm 2018 thì chuyển vào sinh sống tại Tổ bản L, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B chơi bời, nợ nần, sống thiếu trách nhiệm với con cái, hai người bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ cuối năm 2023 chị và anh B đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Phùng Vũ Bảo C sinh ngày 29/11/2011 và Phùng Nguyên V, sinh ngày 19/01/2016. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con cho cháu Phùng Nguyên V với số tiền là 2.000.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng tính từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh B chịu lãi xuất chậm thanh toán.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao trích lục kết hôn số 300/TLKH-BS giữa chị Vũ Thị T và anh Phùng Thanh B do UBND xã M, huyện B, thành phố Hà Nội cấp sao ngày 18/12/2023. Bản sao giấy khai sinh mang tên Phùng Nguyên V, Phùng Vũ Bảo C. Xác nhận thông tin nơi cư trú của chị Vũ Thị T và anh Phùng Thanh B.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Phùng Thanh B đồng thời triệu tập anh B đến Tòa án làm việc nhưng anh B đều cố tình vắng mặt, không đến Tòa án làm việc để giải quyết vụ án.

Chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại biên bản xác minh tại cơ sở ngày 23/02/2024 thể hiện, chị T và anh B có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu, nguyên nhân do anh B kinh doanh thua lỗ, nợ nần nhiều khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Khoảng từ tháng 01/2024 chị T và anh B đã ly thân, hai người không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị T, xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Phùng Thanh B.

+ Về con chung: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao cho chị

Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phùng Vũ Bảo C sinh ngày 29/11/2011 và Phùng Nguyên V, sinh ngày 19/01/2016, buộc anh Phùng Thanh B cấp dưỡng nuôi con cho cháu Phùng Nguyên V với số tiền là 2.000.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng tính từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu Vũ đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ngày 24/12/2023 chị Vũ Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phùng Thanh B có hộ khẩu thường trú tại Tổ bản L, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST- HNGĐ, Giấy triệu tập, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2024, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh B vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Vũ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị T và anh Phùng Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/12/2023 tại UBND xã M, huyện B, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không quan tâm đến nhau, bất đồng về quan điểm sống, xây dựng kinh tế gia đình. Từ khoảng cuối năm 2023 chị T và anh B đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án anh B tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn và cũng không có giải pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly

hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị và anh B có 02 con chung là Phùng Vũ Bảo C sinh ngày 29/11/2011 và Phùng Nguyên V, sinh ngày 19/01/2016. Xét thấy hiện nay anh B thường xuyên vắng mặt tại địa phương, các con chung từ trước đến nay đều đang ở với chị T, do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân chị T có nghề nghiệp (giáo viên), có thu nhập và cuộc sống ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng các con chung. Nguyện vọng của hai cháu Phùng Vũ Bảo C và Phùng Nguyên V muốn được sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần giao cả 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con cho cháu Phùng Nguyên V với số tiền là 2.000.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng tính từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là từ bỏ quyền chứng minh chấp nhận hay không chấp nhận nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của mình. Đồng thời yêu cầu của chị T phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Những nhận định và đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Phùng Thanh B.

**2.** Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phùng Vũ Bảo C, sinh ngày 29/11/2011 và Phùng Nguyên V, sinh ngày 19/01/2016, buộc anh Phùng Thanh B cấp dưỡng nuôi con chung Phùng Nguyên V

với số tiền là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng một tháng), cấp dưỡng hàng tháng tính từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh Phùng Thanh B không phải chịu lãi xuất chậm thanh toán.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

### 3. Về án phí:

- Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2023/0000797 ngày 25/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Phùng Thanh B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T, anh Phùng Thanh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Minh Quang, H. Ba Vì, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Đặng Quốc Hưng**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Minh Quang, H. Ba Vì,  
thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Quốc Hưng**









